

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BÚT SƠN

-----@-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2014

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Phú

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán | Mẫu B01 - DN |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu B02 - DN |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu B03 - DN |
| 4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu B09 - DN |

Nơi gửi : Đại hội cổ đông năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2014

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT : VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		153.847.637.387	176.100.464.832
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.184.810.383	21.596.524.765
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.856.453.452	119.716.873.724
IV. Hàng tồn kho	140		23.311.970.272	34.460.033.106
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.494.403.280	327.033.237
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		58.822.887.882	41.155.940.411
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		58.374.954.047	39.360.832.989
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260		447.933.835	1.795.107.422
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		212.670.525.269	217.256.405.243
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		131.930.768.514	140.545.226.660
I. Nợ ngắn hạn	310		116.847.031.470	128.310.438.359
II. Nợ dài hạn	330		15.083.737.044	12.234.788.301
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		80.739.756.755	76.711.178.583
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	80.739.756.755	76.711.178.583
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.849.809.091	3.889.809.091
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		12.270.249.838	12.170.249.838
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.826.242.347	10.326.242.347
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.501.000.000	2.201.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.292.455.479	8.123.877.307
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		212.670.525.269	217.256.405.243



Nam Định, ngày 02 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

TP KẾ TOÁN



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	491.225.268.355	419.003.633.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.240.514.500	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		489.984.753.855	419.003.633.152
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	452.268.633.026	378.940.065.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.716.120.829	40.063.567.475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	562.672.839	300.176.799
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.156.880.799	8.022.168.920
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.156.880.799	8.022.168.920
8. Chi phí bán hàng	24		10.978.074.746	8.313.208.543
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.999.202.150	14.104.688.341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		10.144.635.973	9.923.678.470
11. Thu nhập khác	31		710.453.467	746.233.498
12. Chi phí khác	32		107.761.485	62.878.245
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		602.691.982	683.355.253
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.747.327.955	10.607.033.723
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2.402.749.783	2.670.690.729
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		8.344.578.172	7.936.342.994
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	đồng	2.025	1.984

Nam Định, ngày 02 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hằng

TP KẾ TOÁN

Dương Minh Tuấn



Nguyễn Văn Đạt

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2013
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	27,66	18,94
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	72,34	81,06
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	62,04	64,69
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	37,96	35,31
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,16	0,17
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,61	1,55
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản	%	3,92	3,65
	- Tỷ suất LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	1,70	1,89
	- Tỷ suất LN sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,34	10,35

Một số nhận xét, đánh giá các chỉ tiêu chính:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014 do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam, sức tiêu thụ trên thị trường xi măng có nhiều biến động nên tiêu thụ vỏ bao cũng biến động theo, giá cả các mặt hàng nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Vì vậy, để khắc phục các khó khăn trên cũng như để đảm bảo được doanh thu và lợi nhuận, Công ty đã tìm kiếm thêm các thị trường tiêu thụ vỏ bao và màng dẹt. Mặt khác, Công ty duy trì và phát triển thêm thị trường tiêu thụ xi măng nhằm đối trừ công nợ, tăng vòng quay vốn lưu động, giảm thiểu chi phí tài chính. Kết quả đạt được thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính sau:

- Sản lượng TT vỏ bao	100,84 %
- Sản lượng TT màng dẹt	96,31 %
- Doanh thu:	103,83 %
- Lợi nhuận:	106,30 %

2. Về đầu tư:

Năm 2014 Công ty cơ bản duy trì hoạt động của dây chuyền máy móc thiết bị hiện có. Ngoài ra, Công ty còn có đầu tư mới một số tài sản máy móc thiết bị. Cụ thể:

Đvt: Đồng

Danh mục tài sản	Số lượng	Giá trị
+ Nhà kho phế liệu + bể xử lý nước thải:	01 cái	1.421.423.106
+ Máy biến áp 3 pha 2000 KVA:	01 cái	756.000.000
+ Dây chuyền sản xuất bao dán đáy:	01 cái	20.101.275.674
+ Bộ thu cuộn bán tự động:	01 cái	1.912.424.262
+ Máy kiểm tra lưu lượng khí:	01 cái	647.282.058
+ Máy lồng ống in 3 màu:	01 cái	825.000.000
+ Máy cuốn vải trắng:	01 cái	500.000.000
Tổng số đầu tư:		26.163.405.100

2014
: TY
: AN
: AO B
: TN
: NAM

3. **Lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận trước thuế: **10.747.327.955 đồng**, vượt kế hoạch 106,3%. Trong điều kiện nền kinh tế khó khăn, nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh thua lỗ nhưng Công ty vẫn vượt lợi nhuận kế hoạch đề ra. Đạt được kết quả trên Ban lãnh đạo Công ty và tập thể người lao động đã tìm mọi giải pháp hợp lý, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Nam Định, ngày 02 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Hằng

TP KẾ TOÁN



Dương Minh Tuấn



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đạt

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Căn cứ Nghị định số 09/2004/NĐ-CP ngày 05/02/2009 v/v ban hành quy chế quản lý tài chính.

Căn cứ Thông tư số 11/2007/TT-BTC ngày 8/02/2007 hướng dẫn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Phương pháp phân phối lợi nhuận năm 2014 cụ thể như sau:

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	10.747.327.955	9.055.000.000
2	Thuế TNDN phải nộp	2.402.749.783	1.992.100.000
3	Lợi nhuận sau thuế	8.344.578.172	
4	Lợi nhuận được phân phối	8.344.578.172	7.062.900.000
5	Trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 12%	5.040.000.000	Tối thiểu 10%
6	Đã chi trả cổ tức năm 2013 (phát hành thêm 200.000 cổ phiếu)	240.000.000	
7	Theo NQ Đại hội cổ đông năm 2014 trích 10% phần vượt lợi nhuận sau thuế để động viên, khuyến khích các thành viên HĐQT, BKS và Ban lãnh đạo Công ty	128.000.000	
8	Dự kiến trích các quỹ năm 2014	2.800.000.000	
	+ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	100.000.000	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	1.700.000.000	
	+ Quỹ khen thưởng	500.000.000	
	+ Quỹ phúc lợi	500.000.000	
	Cộng cổ tức và các quỹ (5+6+7+8)	8.208.000.000	

Nam Định, ngày 02 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hằng

TP KẾ TOÁN

Dương Minh Tuấn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Đạt